

Bản án số: 96A/2024/HS-ST
Ngày: 16 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Cao Thị Hồng Minh
- Bà Lò Thị Hiêng

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lường Văn T** Tên gọi khác: Không;
Sinh năm: 1996 tại tỉnh Sơn La;
Nơi thường trú: Bản A, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La.
Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố X, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Con ông: Lò Văn M và bà: Lường Thị L; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 05/12/2023 sau đó bị tạm giam cho đến nay. (Có mặt).

2. Họ và tên: **Cà Văn T** Tên gọi khác: Không;
Sinh năm: 2002 tại tỉnh Sơn La;
Nơi thường trú: Bản K, xã P, huyện T, tỉnh Sơn La.
Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố X, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Con ông: Cà Văn D và bà: Lường Thị L; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không, tiền sự:

Không. Bị tạm giữ từ ngày 05/12/2023 sau đó bị tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 00 phút ngày 04/12/2023, tổ công tác Công an phường Tân Thanh, thành phố Đ làm nhiệm vụ tại khu vực Tổ dân phố X, phường M phát hiện Lường Văn T và Cà Văn T đang đi bộ có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Sau khi được Tổ công tác tuyên truyền, vận động, giải thích T khai nhận đang cất giấu ma túy và tự giác lấy từ trong lòng bàn tay phải ra 01 gói được gói ngoài bằng mảnh nilon màu vàng, bên trong có chứa bốn cục chất bột thể rắn, màu trắng đục. T, T khai đó là ma túy (Heroin), do các bị cáo thuê xe taxi của người không quen biết xuống Bản X, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Tại đây, T đã gặp và mua của người đàn ông không quen biết với giá 500.000 đồng bằng tiền của cả hai góp để cùng nhau sử dụng.

Trên cơ sở lời khai của T, T và vật chứng đã thu giữ cơ quan điều tra đã xác minh, điều tra có cơ sở để kết luận: T đã rủ T góp mỗi người 350.000 đồng để cùng nhau thuê xe taxi xuống Bản X mua ma túy về sử dụng chung.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói được gói bằng mảnh nilon màu vàng bên trong có chứa bốn cục chất bột, thể rắn, màu trắng đục, khối lượng 0,6 gam.

Tại bản kết luận giám định số 1565/KL-KTHS ngày 10/12/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Khối lượng vật chứng là 0,6 gam. Mẫu các cục chất bột màu trắng đục gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroin. Hoàn lại đối tượng giám định có tổng khối lượng 0,55 gam có biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định kèm theo.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKSTPĐBP ngày 15/3/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố các bị cáo về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX):

Tuyên bố các bị cáo phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 58/BLHS: Xử phạt bị cáo T từ 18 đến 21 tháng tù; Xử phạt bị cáo T từ 17 đến 20 tháng tù. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,55 gam Heroin còn lại sau giám định, 01 mảnh nilon màu vàng. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo không tranh luận gì về phần luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo không bào chữa gì cho hành vi của mình.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp nhau, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy niêm phong lại vật chứng, Kết luận giám định... Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Vào hồi 22 giờ 00 phút ngày 04/12/2023, tại tổ dân phố X, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên Cà Văn T đã có hành vi cất giấu trái phép 0,6 gam Heroine với mục đích để cùng Lương Văn T sử dụng chung. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo đều thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng không có tính tổ chức. Giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể. Các bị cáo đều là người thực hành. T là người cất giấu ma túy, góp tiền để mua ma túy. Bị cáo T là người khởi xướng, trực tiếp đi mua ma túy nên có vai trò tích cực hơn bị cáo Tùng nên phải chịu hình phạt cao hơn khi lượng hình. Ý thức của các bị cáo là mua ma túy về cùng nhau sử dụng nên cùng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ khối lượng ma túy thu giữ.

[2]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52/BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Về nhân thân: Các bị cáo là đối tượng sử dụng chất ma túy. Chưa bị Tòa án nào xét xử, chưa bị cơ quan nào xử phạt vi phạm hành chính.

Hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo nên HĐXX chấp nhận.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS thì ngoài hình phạt chính người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người nghiện ma túy, đều không có tài sản gì có giá trị, nghề nghiệp tự do và thu nhập không ổn định. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì các bị cáo không có khả năng thi hành.

[4]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Đối với 0,6 gam Heroine, sau khi gửi toàn bộ để giám định còn lại 0,55 gam là vật nhà nước cấm tàng trữ; 01 mảnh nilon là vật dùng gói ma túy không có giá trị, không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

[5]. Các vấn đề khác: Đối với người lái xe taxi, các bị cáo khai không biết tên, địa chỉ, không nhớ biển số xe, không biết việc các bị cáo mua và tàng trữ ma túy. Đối với người bán ma túy cho bị cáo T, không biết họ tên, địa chỉ cụ thể. Nên không có cơ sở xác minh làm rõ, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập nên HĐXX không xem xét xử lý đối với những người này.

[6]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đều hợp pháp.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do bị cáo T là người dân tộc thiểu số, cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo T là cá nhân thuộc hộ cận nghèo, các bị cáo đều có đơn đề nghị miễn án phí nên HĐXX chấp nhận miễn án phí cho các bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lương Văn Tuấn, Cà Văn Tùng phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lương Văn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (05/12/2023).

Xử phạt bị cáo Cà Văn T 01 (Một) năm 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (05/12/2023);

3. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,55 gam Heroine vật chứng còn lại sau giám định, 01 mảnh nilon màu vàng.

(Vật chứng đã được niêm phong và được Công an thành phố Điện Biên Phủ bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/3/2024).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/4/2024).

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND TP ĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TP ĐBP
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ